

# Lý luận và thực tiễn về chuỗi giá trị thịt lợn và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

PHẠM THỊ TÀN  
PHẠM VĂN HÙNG

*Bài viết khái quát tình hình nghiên cứu về chuỗi giá trị trên thế giới và Việt Nam, thảo luận các quan điểm về chuỗi giá trị thịt lợn, phân tích các khái niệm, bộ phận, tác nhân tham gia chuỗi giá trị thịt lợn, thảo luận một số mô hình chuỗi giá trị thịt lợn trên thế giới, rút ra bài học cho phát triển chuỗi giá trị thịt lợn và bước đầu đề xuất khung phân tích về chuỗi giá trị thịt lợn ở Việt Nam.*

## 1. Giới thiệu

Ngành chăn nuôi ở Việt Nam trong những năm qua có sự phát triển nhanh chóng, trong đó có ngành chăn nuôi lợn, từ 21,8 triệu con năm 2001 đến năm 2013 đạt trên 26,2 triệu con (Viện Chăn nuôi, 2013), đóng góp 28% vào tỷ trọng tổng giá trị nông nghiệp. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của chăn nuôi lợn chưa tương xứng với tiềm năng. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng đó là sản xuất giống chưa tốt, giá thức ăn cao, giá bán ra bấp bênh, quá trình lưu thông, tiêu thụ thịt lợn chưa ổn định, sự liên kết của các tác nhân trong chuỗi còn lỏng lẻo (Lê Ngọc Hương, 2012). Do vậy để chăn nuôi lợn phát triển thì cần có sự hỗ trợ cũng như hợp tác của các tác nhân khác trong chuỗi từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng. Việc liên kết các tác nhân tham gia trong quá trình sản xuất và tiêu thụ là xu hướng phát triển của nền sản xuất hàng hóa trong đó có ngành chăn nuôi lợn thịt; đảm bảo sự liên kết giữa các khâu, phân phối lợi ích hợp lý giữa các tác nhân đem lại sự phát triển bền vững của chuỗi giá trị sản phẩm thịt lợn.

## 2. Tổng quan các nghiên cứu về chuỗi giá trị trên thế giới và Việt Nam

Nghiên cứu về chuỗi giá trị trên thế giới đã được đề cập từ rất sớm: (1) năm 1988, Duruffe, Fabre và Yung đã áp dụng phương pháp filière (chuỗi, mạch) nghiên cứu đánh

giá chuỗi về mặt kinh tế, tài chính. Nghiên cứu đã tập trung vào vấn đề tạo thu nhập và phân phối thu nhập trong chuỗi hàng hóa, phân tích các chi phí và thu nhập giữa các thành phần kinh doanh nội địa và quốc tế để phân tích sự ảnh hưởng của chuỗi đến nền kinh tế quốc dân và sự đóng góp của nó vào GDP. (2) Michael Porter (1985) đã dùng khung phân tích chuỗi giá trị để xem xét công ty, xác định vị thế công ty trong thị trường và mối quan hệ với các nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh. (3) Gereffi và Korzeniewicz (1994) và Kaplinsky (1999) đã đưa ra phương pháp tiếp cận toàn cầu về chuỗi giá trị, đưa ra khung phân tích để hiểu cách thức mà các công ty và quốc gia hội nhập toàn cầu, để đánh giá các yếu tố quyết định đến phân phối thu nhập toàn cầu thông qua việc lập sơ đồ hoạt động trong chuỗi và phân tích chuỗi để làm sáng tỏ công ty, vùng, quốc gia được kết nối với nền kinh tế toàn cầu như thế nào.

Ở Việt Nam, kể từ năm 2000 các nghiên cứu về phân tích chuỗi giá trị nói chung được chú ý, đặc biệt vài năm gần đây đã xuất hiện một số nghiên cứu về chuỗi giá trị như "Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt bò vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Hồ Cao Việt (2012)".

---

Phạm Thị Tàn; Phạm Văn Hùng, TS., Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Nghiên cứu đã chỉ ra tỷ trọng lợi nhuận và thu nhập mất cân đối giữa các tác nhân trong chuỗi cho thấy tính kém bền vững trong chuỗi. Lê Ngọc Hương (2011), với "Nghiên cứu ngành hàng thịt lợn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên", đã nghiên cứu tất cả các hoạt động từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, tương ứng với các hoạt động đó có các nhóm tác nhân khác nhau, mối quan hệ của các nhóm tác nhân, các thể chế và cơ chế thị trường, những thách thức và cơ hội đối với từng nhóm tác nhân.

Có thể nói, cho đến nay, trong các công trình mà tác giả đã tiếp cận, chưa có một nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu phân tích đầy đủ một chuỗi giá trị thịt lợn. Đặc biệt để phát triển bền vững chuỗi giá trị, chuỗi giá trị thịt lợn cần được nhìn nhận một cách toàn diện để hướng tới nâng cao kết quả, hiệu quả không những của từng tác nhân tham gia mà còn cả toàn bộ chuỗi. Hơn nữa, cần có các nghiên cứu sâu hơn tới tính công bằng trong việc tiếp nhận thông tin, chia sẻ chi phí, lợi ích dựa trên đóng góp từng tác nhân trên chuỗi; về mặt quản trị chuỗi cần thiết đánh giá tính linh hoạt, khả năng đáp ứng và chất lượng sản phẩm được tạo ra từ chuỗi giá trị thịt lợn.

### **3. Phân tích chuỗi giá trị thịt lợn**

#### **3.1. Khái quát về chuỗi giá trị**

Theo sự phân loại về khái niệm, có ba luồng nghiên cứu chính trong các tài liệu về chuỗi giá trị: phương pháp filière; khung phân tích do Porter lập ra; phương pháp toàn cầu do Kaplinsky đề xuất.

• Phương pháp Filières (chuỗi): là tính liên tục của các hoạt động tác động đến việc chuyển giao một mặt hàng (hoặc một loạt các mặt hàng) đến tay người tiêu dùng, tại giai đoạn cuối cùng của tiến trình (Morvan, 1999); hay là tập hợp những tác nhân kinh tế trực tiếp đóng góp vào sản xuất, chế biến và giao chuyển thị trường (Durufle et al. 1988).

• Khung phân tích của Porter (1985) về các lợi thế cạnh tranh: theo Micheal Porter

(1985), người đầu tiên phát biểu khái niệm chuỗi giá trị, biện luận rằng chuỗi giá trị bao gồm các hoạt động chính và các hoạt động hỗ trợ tạo nên lợi thế cạnh tranh khi cấu hình phù hợp. Các hoạt động chính là các hoạt động hướng đến việc chuyển đổi về mặt vật lý và quản lý sản phẩm hoàn thành để cung cấp cho khách hàng.

• Đến năm 1999, một khái niệm cụ thể hơn trong nghiên cứu nông sản được Kaplinsky đưa ra là: "Chuỗi giá trị mô tả tổng thể các hoạt động cần thiết để đưa sản phẩm hay dịch vụ từ ý tưởng, thông qua trung gian sản xuất, đưa tới người tiêu dùng cuối cùng và loại bỏ sau khi sử dụng". Khái niệm này hiểu theo hai cách khác nhau (Kaplinsky và Morris, 2001):

- Theo nghĩa hẹp: chuỗi giá trị là một loạt các hoạt động thực hiện trong một đơn vị sản xuất (công ty, doanh nghiệp...) để sản xuất ra một sản phẩm nhất định. Tất cả những hoạt động này tạo thành một chuỗi kết nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng.

- Theo nghĩa rộng: chuỗi giá trị là tập hợp của những hoạt động do nhiều người tham gia khác nhau thực hiện như: người sản xuất, chế biến, thu gom, ch ủ buôn, người cung cấp dịch vụ, người bán lẻ..., để biến một nguyên liệu thô thành thành phẩm được người tiêu dùng sử dụng.

#### **3.2. Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn**

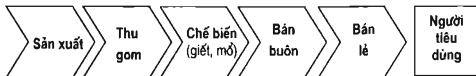
##### **3.2.1. Chuỗi giá trị thịt lợn**

Theo cách tiếp cận tổng hợp của Micheal Porter (1985), Kaplinsky và Morris (2000) có thể hiểu chuỗi giá trị thịt lợn là tập hợp các hoạt động từ người sản xuất đến người tiêu dùng cuối cùng, gồm các tác nhân sau: (i) người sản xuất (hộ gia đình, trang trại...); (ii) người thu gom (thương lái); (iii) người chế biến (giết, mổ, chế biến); (iv) người bán buôn, bán lẻ; (v) người tiêu dùng. Trong quá trình này không chỉ có các tác nhân nêu trên mà còn có sự tham gia và cung cấp dịch vụ của rất nhiều tổ chức khác như: Viện Chăn nuôi, ngân hàng, các nhà khoa học trong viện nghiên cứu và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Quan hệ của các tác nhân này

dựa trên dòng thông tin, dòng hàng hóa (dịch vụ) và dòng tiền trên chuỗi. Sự vận động của chuỗi giá trị còn chịu tác động bởi các tác

nhân và yếu tố bên ngoài chuỗi như hệ thống cung ứng, hoạt động marketing, hệ thống luật pháp, cung cầu hàng hóa.

**SƠ ĐỒ 1: Chuỗi giá trị thịt lợn tiêu biểu**



*Nguồn: cập nhật từ Viện Chiến lược và chính sách nông nghiệp nông thôn, 2006.*

**3.2.2. Đặc điểm của chuỗi giá trị thịt lợn**

**(i) Đặc điểm về chăn nuôi**

Đình Xuân Tùng (2013) đã chỉ ra đặc điểm của ngành chăn nuôi lợn bao gồm những yếu tố sau:

Là một ngành hàng quan trọng trong hệ thống các ngành hàng nông sản. Sự phát triển của chăn nuôi lợn thịt góp phần vào sự phát triển chung của ngành chăn nuôi và đang phù hợp với xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Phân bố không đồng đều giữa các vùng miền trong nước. Chăn nuôi quy mô nhỏ chiếm đa số, cụ thể là khoảng 80% đàn lợn ở quy mô nhỏ, nuôi từ 1 đến 10 con và khoảng 10% là quy mô giữa nhỏ và vừa, 10% còn lại là quy mô vừa và quy mô lớn. Nhìn chung quy mô chăn nuôi của các nông hộ còn rất nhỏ, manh mún, chủ yếu là chăn nuôi tận dụng (Kính et al, 2010). Các giống lợn thường được phân ra theo giống địa phương, giống lai (lai giữa lợn địa phương và giống ngoại) và giống ngoại.

Phương thức chăn nuôi: chăn nuôi lợn ở Việt Nam thường được phân theo 2 hệ thống (Drucker et al, 2006). Chăn nuôi thâm canh theo hướng thương mại (chủ yếu là sử dụng thức ăn hỗn hợp, đậm đặc thương phẩm có năng lượng và prôtêin cao) và chăn nuôi quảng canh (chăn nuôi nông hộ theo kiểu tận dụng). Các nông hộ chăn nuôi lợn thường chỉ nuôi 1 đến 2 con lợn nái, khoảng 10 con lợn thịt, chủ yếu dựa vào nguồn thức ăn sẵn có của địa phương.

Kỹ thuật chăn nuôi lợn thịt đơn giản hơn chăn nuôi lợn nái và lợn con, phù hợp với phần lớn các hộ gia đình nông dân. Chu kỳ chăn nuôi lợn thịt ngắn, thường 3 - 4 tháng, quay vòng vốn nhanh.

Lợn có thể mắc một số bệnh truyền nhiễm. Nếu công tác thú y không chu đáo, đầu tư vốn vào nuôi lợn có thể gặp rủi ro lớn, nhiều khi mất cả vốn lẫn lãi. Một số bệnh có thể gây nguy hiểm cho người (Lemke et al, 2000).

**(ii) Đặc điểm về chế biến và tiêu thụ sản phẩm**

Tỷ lệ tiêu thụ nội địa là khá lớn, sản phẩm tiêu thụ đa dạng, phong phú: ngoài sản phẩm chính là thịt xẻ, thịt mảnh phục vụ cho cả tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, ở thị trường nội địa nhiều nước còn có các sản phẩm như: đầu, lòng, chân giò... Ngoài các sản phẩm tươi sống, thịt lợn còn có thể chế biến để tạo ra nhiều sản phẩm hấp dẫn khác như giò chả, ruốc, các sản phẩm thịt hun khói, thịt hộp..., các sản phẩm này ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng.

Công nghệ chế biến chủ yếu vẫn là thủ công, số nhà máy chế biến thịt lợn không nhiều. Những sản phẩm chế biến từ thịt lợn mà phần lớn người tiêu dùng Việt Nam sử dụng như giò, chả, nem... đều chế biến thủ công, không qua dây chuyền công nghiệp. Do vậy, khâu tiết trùng nói riêng, vệ sinh an toàn thực phẩm nói chung khó được kiểm duyệt (Lê Ngọc Hương, 2011). Từ lợn hơi, qua khâu giết mổ, không tốn nhiều thời gian đã cho ra sản phẩm thịt lợn, tiêu thụ trên

thị trường nội địa chủ yếu là loại này. Sản phẩm thịt lợn thông thường được chia làm nhiều loại như thịt thăn, thịt mỡ, sườn... với giá cả khác nhau, mức tiêu thụ bình quân cũng khác nhau.

Thịt lợn là sản phẩm tươi sống, có thể bảo quản để kéo dài thời gian sử dụng nhưng không thể quá lâu. Sản phẩm thịt lợn muốn xuất khẩu được, phải qua khâu chế biến với quy trình nghiêm ngặt, đảm bảo tiêu chuẩn do đối tác quy định. Với những quy định như hiện nay, sản phẩm thịt lợn ở nước ta rất khó thâm nhập các thị trường khó tính như Châu Âu, Nhật Bản...

Giá cả đa dạng, phong phú, biến động; giá mua và giá bán các sản phẩm của từng tác nhân cũng hoàn toàn khác nhau, nhất là các sản phẩm có đặc trưng riêng. Chẳng hạn, người chế biến ruốc thịt có thể bán sản phẩm chất lượng cao nhất với giá gấp 3 - 4 lần giá của một kg lợn thịt nạc.

(iii) Đặc điểm về phân phối giá trị và luồng thông tin giữa các tác nhân

Theo Đinh Xuân Tùng và cộng sự (2010), hoạt động của kênh tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi lợn khá phức tạp, qua nhiều khâu và liên quan đến nhiều thành phần khác nhau. Khi thị trường tiêu thụ đi qua nhiều khâu trung gian, lợi nhuận sẽ bị chia sẻ, không chỉ người chăn nuôi thu được lợi nhuận ít, mà còn làm cho giá đến tay người tiêu dùng cao, làm giảm khả năng tiêu thụ của sản phẩm trên thị trường. Tuy nhiên, hầu hết người thu gom và lái buôn đến tận hộ chăn nuôi để thu mua sản phẩm, bởi vì thiếu chợ bán buôn ở các địa phương nên đã hạn chế cơ hội trao đổi trực tiếp giữa hộ chăn nuôi và khách hàng. Bên cạnh đó, các hộ chăn nuôi còn bị hạn chế nguồn thông tin về giá, về giống, kỹ thuật chăn nuôi, thức ăn, chính sách,... Do đó, sự bóp méo thông tin trong thị trường chăn nuôi càng lớn, gây bất lợi đối với người sản xuất.

### *3.2.3. Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn của một số nước trên thế giới*

(i) Chuỗi giá trị thịt lợn ở Mỹ

Nghiên cứu về ngành chăn nuôi lợn của Mỹ thấy nổi bật lên là công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và việc Mỹ đối phó khi có dịch xảy ra nhằm giảm thiểu thiệt hại cho ngành chăn nuôi, cụ thể:

- Khâu cung cấp đầu vào (phân đầu chuỗi giống, thức ăn, chuồng trại...). Giống lợn chủ yếu được chăn nuôi ở Mỹ là ba loại giống được lai tạo, chọn lọc cho năng suất cao, Landrace và Yorkshire, Berkshire, Duroc. Quy mô chăn nuôi hầu hết theo hình thức thâm canh, khu vực chăn nuôi lợn nằm trong vành đai bắp vùng Tây Bắc Mỹ giữa các bang Iowa, Illinois, North Carolina, Minnesota và Nebraska. Nền chuồng cho nuôi lợn đều được lát bằng bê tông, lợn nuôi trên sàn bằng nhựa. Có hệ thống thoát phân và nước thải (nước tiểu + nước rửa chuồng,...) theo áp lực âm. Toàn bộ hệ thống điện cung cấp để thắp sáng và vận hành các thiết bị trong chuồng nuôi được phân phối theo chương trình đã cài đặt sẵn. Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước đều tự động.

- Khâu thu gom: hầu hết các trang trại, khu chăn nuôi đều ký hợp đồng trước với các lò mổ tại các Bang ở Mỹ, hợp đồng này được ký kết từ khi bắt đầu thực hiện nuôi cấy con giống đến khi xuất chuồng. Trong quá trình chăn nuôi được giám sát chặt chẽ bởi một nhân viên của lò mổ. Trong quá trình vận chuyển con lợn phải được nhốt giữ bởi một người được đào tạo tốt về kỹ thuật chăm sóc lợn và không để cho con lợn bị treo lên hoặc kêu liên tục hoặc bị kích động.

- Khâu giết mổ: trước khi giết mổ con lợn phải bảo đảm các điều kiện: khỏe mạnh, thân nhiệt bình thường, không có triệu chứng bệnh hoặc những triệu chứng bất thường khác, có giấy chứng nhận kiểm dịch do cơ quan thú y và giấy chứng nhận tiêm phòng do cơ quan thú y địa phương cấp. Trước khi giết mổ mỗi con lợn phải được cán bộ thú y kiểm tra lâm sàng ít nhất 3 lần và sau khi công việc giết mổ hoàn thành, các sản phẩm như thịt, lỵ phủ ngũ tạng sẽ tiếp tục phải

trải qua những khâu kiểm tra hết sức nghiêm ngặt.

- Bán buôn, bán lẻ: tất cả thịt lợn tiêu thụ tại các chợ, siêu thị tại Mỹ đều phải ghi nguồn gốc xuất xứ của lợn. Người bán phải khai báo thịt lợn được lấy từ bang nào và tại nơi giết mổ nào. Tất cả các quầy bán buôn, bán lẻ thịt thuộc quyền quản lý của mỗi bang và quy trình kiểm tra VSATTP cũng được kiểm soát rất chặt chẽ.

#### (ii) Chuỗi giá trị thịt lợn ở Nhật Bản

Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn của Nhật cho thấy nổi bật là kiểm soát an toàn thực phẩm:

Việc kiểm soát an toàn thực phẩm theo chuỗi ở Nhật Bản được hình thành xuất phát từ đề xuất thiết lập chuỗi các nhà chăn nuôi lợn. Tất cả các nhà sản xuất kinh doanh tham gia chuỗi giá trị thực phẩm an toàn phải đăng ký là hội viên của hiệp hội chăn nuôi và họ phải tuân thủ đầy đủ các quy định của hiệp hội, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các tác nhân tham gia chuỗi giá trị thịt lợn phải hội tụ đủ các yêu cầu về điều kiện cần thiết như: quy mô sản xuất, sản lượng tiêu thụ, các yếu tố cơ bản về đảm bảo an toàn thực phẩm được đánh giá công nhận, cam kết tự nguyện tham gia. Bên cạnh sự kiểm soát của hiệp hội, các tác nhân trong chuỗi tự giám sát lẫn nhau trong việc chấp hành các quy định đã cam kết, đặc biệt là các nội dung về an toàn thực phẩm để giữ uy tín của hiệp hội và toàn bộ chuỗi sản xuất sản phẩm. Hiệp hội cũng giữ vai trò là đầu mối kết nối chuỗi liên kết dọc thông qua các hiệp hội với nhau như tổ chức các cuộc gặp, hội nghị giữa các nhà sản xuất chế biến với các đơn vị cung ứng, thu mua tiêu thụ sản phẩm.

Kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm cũng được thiết lập theo chuỗi. Cơ quan quản lý theo phân công sẽ dựa trên nguy cơ về an toàn thực phẩm đã được xác định trong chuỗi và dòng chảy của sản phẩm từ công đoạn sản xuất đến tiêu thụ trên thị trường để xác định các điểm kiểm soát phù hợp nhằm phát hiện

các vấn đề về an toàn thực phẩm, đồng thời có biện pháp ngăn chặn sản phẩm không đảm bảo yêu cầu được lưu thông trên thị trường, đến tay người tiêu dùng.

#### 3.2.4. Bài học kinh nghiệm cho nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn ở Việt Nam

Một là, phân tích chuỗi giá trị thịt lợn cần phải đánh giá theo tiêu chí chất lượng sản phẩm.

Phải khẳng định rằng để có thể cạnh tranh được trong điều kiện hội nhập như hiện nay thì đòi hỏi thịt lợn phải đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thị trường. Chất lượng sản phẩm quyết định đến sự thành bại của mỗi tác nhân trong cạnh tranh. Vì vậy, trong từng thị trường cụ thể, mỗi tác nhân phải có chính sách về chất lượng sản phẩm cho phù hợp. Đồng thời, muốn có chất lượng tốt đầu tiên đòi hỏi phải phát triển khu vực chuyên nuôi và công nghệ nuôi, đảm bảo sản phẩm đầu vào phải sạch tức là không có dư lượng tăng trọng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Như vậy, phải đảm bảo an toàn từ khâu nuôi đến khâu tiêu thụ cuối cùng.

Hai là, phân tích chuỗi giá trị thịt lợn cần phải đánh giá kết quả, hiệu quả từng hoạt động, từng mắt xích của chuỗi.

Kinh nghiệm về phát triển chăn nuôi lợn, chuỗi thịt lợn từ các nước Nhật Bản, Mỹ,... cho thấy chuỗi giá trị thịt lợn muốn phát triển thì phải phát triển từng khâu của chuỗi: đầu tiên là chăn nuôi rồi đến chế biến và phân phối,... Theo đánh giá của ngành chăn nuôi, từng khâu trong quá trình sản xuất và tiêu thụ thịt lợn của Việt Nam còn rất yếu. Vấn đề này có thể nhìn thấy rõ nhất ở khâu chế biến và bảo quản, các hộ chăn nuôi nuôi cần phải cung cấp nguyên liệu với đủ số lượng và chất lượng yêu cầu cho doanh nghiệp. Nhưng các hộ nông dân nuôi lợn thường là các hộ nhỏ lẻ, còn mang tính tự phát, thiếu quy hoạch chi tiết, thường không có khả năng dự đoán sự vận động của thị trường trong dài hạn để có các điều chỉnh hợp lý. Một phần nữa là do một số hộ nông dân do chạy theo lợi ích đã sử dụng quá mức

các loại thuốc/hóa chất làm ảnh hưởng tới chất lượng của nguyên liệu chăn nuôi. Ví dụ như thức ăn chăn nuôi, thường gặp phải một số vấn đề như do nhiễm dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng. Đây là tình trạng chạy theo năng suất mà quên đi chất lượng. Môi trường suy thoái, dịch bệnh, chất lượng con giống không đảm bảo, thiếu hiểu biết về an toàn vệ sinh ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy không cung cấp nguyên liệu đủ số lượng và chất lượng theo yêu cầu.

*Ba là*, bài học về sự phối hợp các tác nhân trong phát triển chuỗi giá trị thịt lợn.

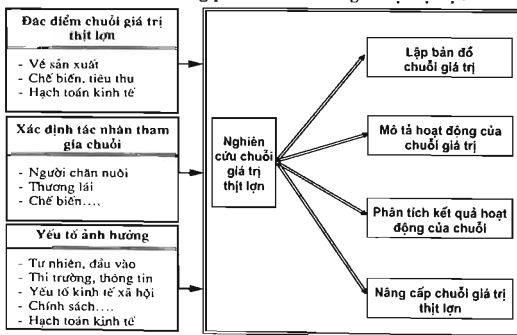
Để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao hơn thì các tác nhân trong chuỗi giá trị cần phải tổ chức mối liên kết ngang của cộng đồng những người sản xuất, và mối liên kết dọc giữa những người sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của từng nhà sản xuất với cả cộng đồng. Mỗi tác nhân tham gia vào từng công đoạn của chuỗi giá trị phải có nhận thức đúng đắn về các tiêu chuẩn mà thị trường đưa ra. Để thực hiện vấn đề này

một cách có hiệu quả thì đòi hỏi phải đổi mới tổ chức các hiệp hội hiện có, hình thành các tổ chức ngành hàng với cơ chế quản lý phối hợp có hiệu quả để đảm bảo sự phát triển bền vững, mang lại lợi ích cho tất cả các tác nhân tham gia trong chuỗi giá trị thịt lợn.

### 3.2.5. Khung phân tích chuỗi giá trị thịt lợn

Qua nghiên cứu trình bày ở trên, có thể thấy rằng: do điều kiện nghiên cứu khác nhau nên mỗi tác giả có cách tiếp cận khác nhau khi phân tích chuỗi giá trị, nhưng nhìn chung họ đều đề cập đến một số yếu tố cơ bản về chuỗi giá trị như thực hiện lập bản đồ chuỗi, mô tả chuỗi, phân tích kinh tế và nâng cấp chuỗi. Đồng thời có một quan điểm chung nữa là khi nghiên cứu một chuỗi sản phẩm đều phải quan tâm đến các nhân tố ảnh hưởng đến chuỗi, các tác nhân tham gia chuỗi, đặc điểm của chuỗi. Tổng hợp từ lý thuyết và thực tiễn đó có thể xây dựng một mẫu khung phân tích về chuỗi giá trị thịt lợn áp dụng cho thực tế ngành chăn nuôi lợn hiện nay như sau:

**SƠ ĐỒ 2: Khung phân tích chuỗi giá trị thịt lợn**



Nội dung nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn gồm các bước: lập bản đồ chuỗi, mô tả hoạt động của chuỗi, phân tích kinh tế chuỗi và nâng cấp chuỗi, trong đó mô tả chuỗi bao

gồm các hoạt động được thực hiện trong chuỗi, tác nhân tham gia chuỗi, xác định dòng chảy trong chuỗi và các mối liên kết trong chuỗi: (1) các hoạt động được thực hiện

trong chuỗi giá trị thịt lợn; (2) các bên tham gia chuỗi giá trị thịt lợn hay các nhà vận hành giá trị thịt lợn; (3) xác định những dòng chảy trong chuỗi giá trị thịt lợn; (4) các mối liên kết trong chuỗi giá trị thịt lợn.

Phân tích kết quả các hoạt động trong chuỗi được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận của từng tác nhân và của toàn chuỗi. Nâng cấp trong chuỗi giá trị thịt lợn thông qua các chiến lược: (1) chiến lược đổi mới chất lượng (nâng cấp sản phẩm); (2) chiến lược đầu tư kỹ thuật, công nghệ; (3) chiến lược giảm chi phí; (4) chiến lược nâng cấp hoạt động quản lý nhà nước (thể chế). Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn còn phải xem xét đến đặc điểm của chuỗi thông qua các nhóm nhân tố ảnh hưởng như nhóm điều kiện tự nhiên, nhóm các yếu tố đầu vào, yếu tố thị trường, thông tin và thể chế chính sách.

#### 4. Kết luận

Như vậy nghiên cứu chuỗi giá trị đã được đề cập từ khá lâu và ngày càng hoàn thiện cả về nội dung và các mô hình phân tích. Phân tích chuỗi giá trị thịt lợn không những đề cập tới việc mô tả đặc điểm của các tác nhân trực tiếp tham gia vào chuỗi như: (i) người chăn nuôi; (ii) người thu gom; (iii) người chế biến; (iv) người tiêu thụ; mà còn đề cập tới các tác nhân cung cấp dịch vụ cho chuỗi như: Viện Chăn nuôi, các trung tâm, các nhà khoa học, các cơ quan chính phủ, các tổ chức xã hội khác. Nghiên cứu chuỗi giá trị thịt lợn là quá trình phân tích, đánh giá từ nhiều cấp độ, nhiều khía cạnh để thấy được bức tranh về dòng chảy sản phẩm, dòng thông tin, dòng tiền, các tác nhân chính trên chuỗi thường gắn với sản phẩm hoặc dịch vụ, các tác nhân quan hệ ràng buộc với nhau và giá trị sản phẩm được tăng thêm tại mỗi mắt xích. Kinh nghiệm phân tích chuỗi giá trị trong thực tế thường tập trung vào 4 nội dung cơ bản: lập bản đồ chuỗi giá trị thịt lợn, mô tả các tác

nhân tham gia chuỗi, đánh giá kết quả thực hiện chuỗi và nâng cấp chuỗi giá trị thịt lợn./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Hương (2012), *Chuỗi cung ứng ngành hàng thịt lợn tỉnh Hưng Yên, luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tr 158.*
2. Đinh Xuân Tùng (2008), *Chăn nuôi Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Bộ môn Kinh tế, môi trường và hệ thống chăn nuôi, Viện Chăn nuôi, Hà Nội.
3. Đinh Xuân Tùng (2013), *Điều tra cơ cấu, năng suất, hiệu quả và tổ chức sản xuất chăn nuôi lợn và trâu bò*, Báo cáo của Viện Chăn nuôi quốc gia gửi Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội.
4. Viện Chiến lược và chính sách nông nghiệp (2006), *Phân tích chuỗi giá trị, lý thuyết và kinh nghiệm từ nghiên cứu ngành chè Việt Nam.*
5. Võ Thị Thanh Lộc (2010), *Chuỗi giá trị và kế nối thị trường*, Tài liệu tập huấn nâng cao năng lực của cán bộ và nông dân trong phát triển doanh nghiệp nhỏ nông thôn tỉnh An Giang giai đoạn 2009-2012.
6. Fierre Fabre (1994), *Note methodologie generle sur l'analyse filiere pour l'analyse economique despolitiques.*
7. Michael Porter (1985), *Competive advantage: Creating and sustaining superior performance*, New York Free Press.
8. Kaplinsky, R. and M. Morris (2001), *A Handbook for Value Chain Research*, Brighton, United Kingdom, Institute of Development Studies, University of Sussex.
9. Duruflé, G., Fabre, R. and Yung, J.M., (1988), *Les effets sociaux et économiques des projets dedeveloppement rural*, Série Methodologie, Ministère de la Coopération, La Documentation Française.
10. Gereffi, G. and M. Korzeniewicz, Eds. (1994), *Commodity Chains and Global capitalism*, London, Praeger.
11. Kinh, L. V., Hai, L. T., Quang, D.V. and Duc, N. V. (2010), *Pig production in Vietnam. In: Priorities for pig research in southeast and the Pacific to 2010*, ACIAR working paper No 53 - March (2002), Centre for international agricultural research Canberra Australia, pp. 65-71.
12. GTZ (2007), *ValueLinks Manual: The Methodology of Value Chain Promotion*, The first edition, The International Conference, Berlin, Germany.